



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP. HCM**  
Cơ hội học tập cho mọi người

**Chương trình môn học:**

# **LUẬT HIẾN PHÁP VIỆT NAM** *(45 tiết)*

***Biên soạn:***  
***ThS. Trần Thị Mai Phước***



## \* Tài liệu tham khảo:

- **1 - Trường ĐH Luật Hà Nội – *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam* – Nxb CAND, 2014;**
- **2- *Hệ thống văn bản pháp luật Hiến pháp (cập nhật đến tháng 2/2016)*;**
- **3 - *Bình luận khoa học Hiến pháp 2013 nước CHXHCN Việt Nam* -Nxb LĐXH, 2014;**
- **4- *Hiến pháp năm 1946 và sự kế thừa, phát triển trong các Hiến pháp Việt Nam* -Nxb Chính trị quốc gia- Hà Nội, 1998.**

## Kết cấu chương trình

### Phần 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT HIẾN PHÁP

1. Phân biệt thuật ngữ “**Hiến pháp**” với “**Luật Hiến pháp**”
2. Hiến pháp – Nguồn cơ bản của Luật Hiến pháp
3. Ngành luật Hiến pháp
4. Khoa học luật Hiến pháp

### PHẦN 2: CÁC CHẾ ĐỊNH QUAN TRỌNG CỦA HIẾN PHÁP VN

1. Chế độ chính trị - Chế độ KT (**ChI, Đ1-13; ch III.Đ50-56**)
2. Quốc tịch Việt Nam (**ChII, Đ17**)
3. Quyền con người, Q và NV cơ bản của CD (**ChII,Đ14-49**)
4. Chế độ bầu cử
5. Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam (**ChV-X, Đ69-118**)
6. Quốc hội (**ChV, Đ69-85**)
7. Chủ tịch nước (**ChVI, Đ86-93**)
8. Chính phủ (**ChVII, Đ94-101**)
9. TAND và Viện Kiểm sát nhân dân (**ChVIII, Đ102 -109**)
10. Chính quyền địa phương (**ChIX, Đ110- 116**)
11. HĐ bầu cử quốc gia, Kiểm toán NN (**ChX, Đ117- 118**) KT

Thtrình: TV tg làm bài 5 + có mặt 2+ người TT 1 + 2 thường

# Bài 1. PHÂN BIỆT “HIẾN PHÁP” VỚI “LUẬT HIẾN PHÁP”

## Hiến pháp

Có nghĩa:

**1.** Là một văn bản pháp luật có giá trị cao nhất trong hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia (đạo luật gốc, luật mẹ)

## Luật Hiến pháp

Có nghĩa:

- 1.** Là 1 Môn học;
- 2.** Là 1 ngành luật;
- 3.** Là 1 khoa học luật \*

## **Bài 2. HIẾN PHÁP – NGUỒN CƠ BẢN CỦA LUẬT HIẾN PHÁP**

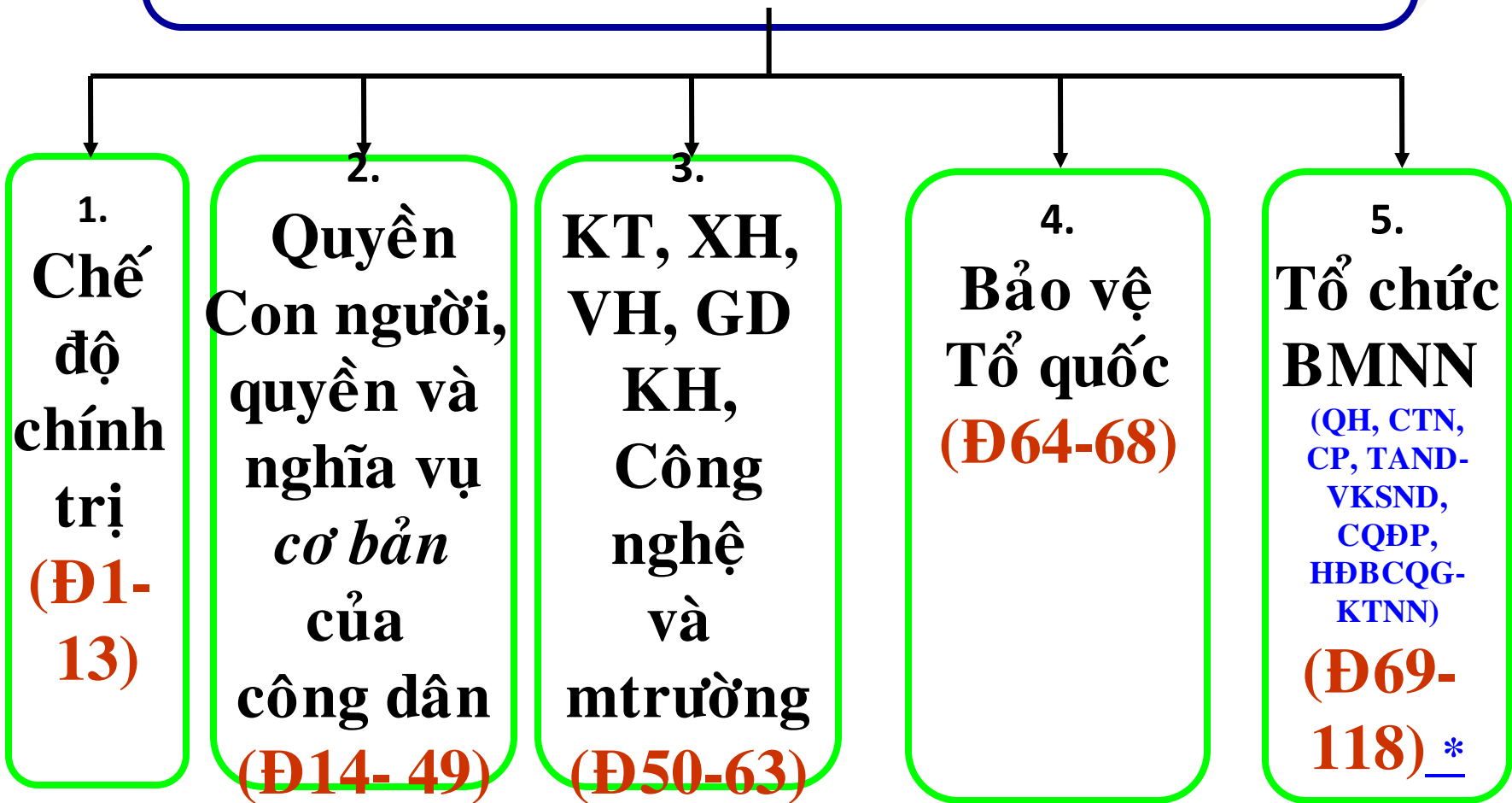
- 1. Sự ra đời của Hiến pháp và lịch sử lập hiến VN**
- 2. Bản chất của Hiến pháp**
- 3. Đặc trưng của Hiến pháp**
- 4. Nội dung của Hiến pháp năm 2013**
- 5. Giới thiệu Hiến pháp một số nước<sup>\*\*\*</sup>**

## **1b. Lịch sử lập hiến Việt Nam**

**Qđ lập hiến trước khi HP 46 ra đời...  
(xem giáo trình)**

- Hiến pháp năm 1946**
- Hiến pháp năm 1959**
- Hiến pháp năm 1980 (sđ Lời nói đầu 1989)**
- Hiến pháp năm 1992 (sđ, bs 2001)**
- Hiến pháp năm 2013\***

## 4. Nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013



## **5. Giới thiệu Hiến pháp của một số quốc gia trên thế giới**

- **Hiến pháp Mỹ 1787**
- **Hiến pháp Nga 1993**
- **Hiến pháp Nhật Bản 1946**
- **Hiến pháp Cộng hòa Pháp 1958**
- **Hpháp CHND Trung Hoa 1982\_\***



## Bài 3. **NGÀNH LUẬT HIẾN PHÁP**

- 1. Đối tượng điều chỉnh – phương pháp đ/chỉnh**
- 2. Quy phạm pháp luật HP – Quan hệ pháp luật HP**
- 3. Nguồn của luật Hiến pháp**

# Đ/tượng đ/chỉnh của ngành luật HP

**Ng luật HP**

***P pháp  
điều  
chỉnh***

**những quan hệ XH  
cơ bản nhất, quan  
trọng nhất**

những mối quan hệ có liên quan đến việc tổ chức quyền lực nhà nước, tạo nên nền tảng của chế độ NN & XH, như: *Qh trong lĩnh vực CT, KT, NN- công dân, trong lv tổ chức và hoạt động của BMNN*

# b. Phương pháp pháp điều chỉnh của LHP

**Nguyệt HP**

*Pp cho phép;  
bắt buộc;  
cấm đoán;  
định nghĩa (xác lập  
nguyên tắc chung)*

**Đối tượng  
điều chỉnh**

những  
phương thức,  
cách thức  
dùng để tác  
động lên các  
qhXH thuộc  
phạm vi  
đ/chỉnh của  
ngành luật HP

## **c. Định nghĩa ngành Luật Hiến pháp**

**Luật HP là hệ thống các qpppl điều chỉnh các qhXH cơ bản và quan trọng gắn với việc xác định:**

- chế độ chính trị,
- quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân,
- chế độ KT, XH, VH, GD, KH, CN, MT,
- vấn đề bảo vệ Tổ quốc,
- những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước\*

## 2. Quy phạm pháp luật HP – Quan hệ pháp luật HP

### a. Quy phạm Luật Hiến pháp:

- Mang đặc điểm chung của một qpl (đđ gì?)
- Các đặc điểm riêng?

# Các đặc điểm riêng của qpPLHP

Toàn bộ quy định của Hiến pháp là qpPLHP

đ/chỉnh những qhXH cơ bản, qtrọng trong nhiều lv

xác lập các nguyên tắc pháp lý cho việc tc và hđ của NN

Phần lớn không đầy đủ 3 bộ phận cấu thành và đa phần chỉ gồm bp QĐ (VD?) \*

## Cấu thành của 1 quy phạm pháp luật?

## **b. Quan hệ pháp luật Hiến pháp**

**KN:** Là những qh phát sinh trong việc tc thực hiện quyền lực NN và là qh cơ bản, quan trọng nhất trong việc xđ chế độ, bản chất của một NN và XH.

**→ NN có tác động trực tiếp không? So sánh với qhPL Dân sự?**

**→ Cấu thành của một qhpluật?**

**→ Cấu thành của một qhpluật HP?**

# Cấu thành của 1 qhệ pháp luật HP



- N1: mọi người, nhân dân, các dân tộc, cử tri, tập thể cử tri, đbQH, đbHĐND, những người giữ trọng trách trong cqNN

- N2: NN CHXHCNVN, các cqNN, Đảng CSVN, các Tổ chức CT- XH



- Giá trị vật chất (đđai, rừng núi...)  
- Giá trị tinh thần (Q tdo, dchủ,...;  
- Lãnh thổ QG, địa giới giữa các đp;  
- Hvi của cn, tc hoặc của cqNN, nhà chức tráchNN.



Quyền và Nghĩa vụ của các chủ thể khi tham gia vào qhPL Hiến pháp \*



## 3. Nguồn của luật HP

là những văn bản quy phạm pháp luật có chứa đựng các quy phạm của LHP.

- VbqpPL do Quốc hội ban hành:  
Hiến pháp; 1 số Luật; 1 số Nghị quyết
- VbqpPL do UBTWQH ban hành:  
1 số Pháp lệnh, 1 số Nghị quyết
- VbqpPL do CP ban hành: 1 số Nghị định
- VbqpPL do TTCP ban hành: 1 số Quyết định
- VbqpPL do HĐND ban hành: 1 số Nghị quyết

→ “Tất cả các vbqpPL do các cqNN có thẩm quyền ban hành đều là nguồn của LHP” → Đúng/Sai? Vì sao? \*

# HIẾN PHÁP

Bộ luật, Luật, Nghị quyết (QUỐC HỘI)

Pháp lệnh, Nghị quyết  
(UB THƯỜNG VỤ QH) (a)\*\*

Nghị định  
(CHÍNH PHỦ) (b)

Nghị quyết liên tịch (giữa (a) hoặc (b) với Đoàn Chủ tịch của UBTWMTTQVN)

Nghị quyết  
(HĐ Thẩm phán TANDTC)  
Thông tư (CHÁNH ÁN TANDTC- (1))

Thông tư  
(VIỆN TRƯỞNG VKSND TC) (2)

Lệnh, Quyết định  
(CHỦ TỊCH NƯỚC)

Quyết định  
(THỦ TƯỚNG CPHỦ)

Thông tư liên tịch (giữa 1+2, 1+3, 2+3,)

Thông tư  
(BỘ TRƯỞNG, TT CQ NGANG BỘ)(3)

Quyết định  
(TỔNG KIỂM TOÁN NN)

Nghị quyết  
(HĐND CÁC CẤP)

Văn bản quy phạm PL  
(ĐƠN VỊ HC-KT ĐẶC BIỆT)

Quyết định  
(UBND CÁC CẤP)\* \*

# 4. KHOA HỌC LUẬT HIẾN PHÁP

**KH luật HP**

***Ppháp  
nghiên  
cứu***

**Đối tượng nghiên cứu  
(ngành luật Hiến pháp)**

- Pp lịch sử,
- Pp biện chứng Mác-Lênin,
- Pp sơ đồ,
- Pp so sánh,
- Pp thống kê (VD?)

vấn đề tổ chức NN cũng như mqh giữa NN với công dân (được n/c dưới góc độ pháp lý)\*

# Bài 1: CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ- CHẾ ĐỘ KINH TẾ

## I. Chế độ chính trị

1. Khái niệm “chế độ chính trị”
2. Quyền lực nd và các hình thức thực hiện quyền lực ndân
3. Hệ thống CT và các thành phần của htCT VN theo HP 2013

## II. Chế độ kinh tế

# 1. Khái niệm về chế độ chính trị

Xét dưới nhiều góc độ:

- **Góc độ chung** gồm nhiều yt:

Quan điểm, tư tưởng, đường lối, chủ trương, chính sách, PL, cách thức tổ chức và hoạt động của htCT, tc và thực hiện quyền lực chính trị, quyền lực NN, qly và ptriển KT, VH...

## - ***Gđộ pháp luật HP***

**CđCT là tổng thể các *ngtắc, qp của L.HP* để xác lập và đ/c các vấn đề về *chính thể và chủ quyền qq*, về *bản chất và mục đích của NN*, về *tc và thực hiện qINN và qIND*, về *tc và hđ của htCT* và *chính sách đối nội, đối ngoại* của nước CHXHCNVN\*  
\_**

## **2. Quyền lực nd và các hình thức thực hiện quyền lực ndân**

### **2.1. Quyền lực nhân dân**

- Quyền lực,

→ Quyền lực ND:

NN thuộc về ND, ND là chủ thể thực hiện qINN...

### **2.2. Các hình thức thực hiện quyền lực nhân dân**

- Trực tiếp (Dân chủ trực tiếp\*)

- Gián tiếp (Dân chủ đại diện\*)\*

## **3. Hệ thống CT và các thành phần của htCT VN theo HP 2013\***

**3.1. Vị trí, vai trò của ĐCSVN trong hệ thống chính trị**

**3.2. Vị trí- vai trò của NN trong htCT**

**3.3. Vị trí- vai trò của MTTQVN và các TC thành viên trong htCT\***



## II. Chế độ kinh tế

### Về cơ sở hiến định

- + HP46 chưa xh chế định “chế độ KT”
- + HP59 quy định chung CđKT và XH-Ch2, 13đ (Đ9-21)
- +HP80 CđKT, Ch2, 22đ (15-36)
- +HP92 CđKT, Ch2, 15đ (15-29)
- + HP2013, Ch3, KT, XH, VH, GD, KH, CN và MT, 9đ (Đ50-56/63)
- Nhận xét và phân tích cho thấy được Sự kế thừa và phát triển...

# Các nội dung của Chế độ kinh tế

1. Khái niệm “chế độ kinh tế”
2. Mục đích, phương hướng phát triển KT của nnCHXHCNVN
3. Các hthức sh chủ yếu ở VN trong tk quá độ lên CNXH
4. Các tpKT ở VN trong tkqđ lên CNXH
5. Các nguyên tắc quản lý NN về KT

**\*Đề tài 1:** *Sự kế thừa và phát triển của CđKTVN qua các HP VN*  
***Thảo luận nhóm 3 câu hỏi\****

### 3. Các hình thức sở hữu qua các HPVN

#### HP1946

*quyền tư hữu tài sản  
của công dân được bảo  
đảm (Đ12)*

#### HP1959

*sh toàn dân, sh tập thể, sh  
của người lao động riêng  
lẻ và sh của nhà tư sản  
dân tộc (Đ11)*

nhưng sau đó lại có chủ trương đẩy mạnh công  
cuộc cải tạo XHCN, nhanh chóng xóa bỏ các hình thức sở hữu phi XHCN, tăng cường sự lãnh đạo tập trung  
thống nhất của nhà nước đối với kinh tế bằng các công cuộc cải cách ruộng đất, và cải tạo công thương,  
đưa người nông dân vào Hợp tác xã.

#### HP1980

*sh toàn dân, sh tập thể  
(Đ18)*

#### HP1992

*sh toàn dân, sh tập thể,  
sh tư nhân (Đ15)*

#### HP2013

*nhiều hình thức sở hữu (Đ51) \**

## 4. Các thành phần KT qua các HPVN

### HP1946

*nhiều thành phần, đúng với mtiêu  
cmdc tư sản kiểu mới (sau gọi là cmdcnd) (Đ12)*

### HP1959

*KT quốc doanh, KT hợp  
tác xã (Đ12, 13)*

### HP1980

*KT quốc doanh, KT  
hợp tác xã (Đ18)*

### HP1992

*KT NN; KT tthể; KT cá thể,  
tiểu chủ; KT TBTN; KT  
TBNN; và KT có vốn đtư  
nngoài (Đ16)*

### HP2013

*nhiều thành phần KT, KTNN giữ v.trò chủ đạo (Đ51)*

# Bài 4: CHẾ ĐỘ BẦU CỬ

## I. Khái niệm Chế độ bầu cử

## II. Các nguyên tắc bầu cử

## III. Các quy định về tổ chức bầu cử

1. Qđ về tổng số ĐB được bầu
2. Qđ về các tổ chức bầu cử
3. Tiến trình cuộc bầu cử

## IV. Việc bãi nhiệm đại biểu

Đề tài 2 : Sự kế thừa và phát triển của **Chế độ bầu cử Việt Nam** qua các Hiến pháp@

## I. Khái niệm Chế độ bầu cử

*Chế độ bầu cử* là một tổng thể các ngtắc, các quy định PL bầu cử, cùng các mqhXH được hình thành trong tất cả các quá trình tiến hành bầu cử, từ lúc người CD được ghi tên trong DS cử tri cho đến lúc bỏ lá phiếu vào thùng và xác định kết quả bầu cử.

→ Là chế định rất qtrọng của LHP\_\*

## **II. Các nguyên tắc bầu cử**

**(Đ7 HP 2013 & Đ1 L.BCĐBQH&ĐBHĐND 2015)**

- 1. Nguyên tắc phổ thông**
- 2. Nguyên tắc bình đẳng**
- 3. Nguyên tắc bầu cử trực tiếp**
- 4. Nguyên tắc Bỏ phiếu kín\***

# 1. Nguyên tắc phổ thông

## - Đối tượng bầu cử được mở rộng

*CD đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Việc thực hiện các quyền này do luật định (Điều 27 HP2013).*

*→ trừ các trường hợp đặc biệt nào không được tham gia bầu cử?*

*→ Quân nhân tại ngũ có quyền bầu cử?*

*(đ/chiếu quyền BC của phụ nữ VN so với các nước: Mỹ 1787/1920, Pháp 1795/1944, Tây Ban Nha 1812/1970, Thụy Sĩ 1847/1971, Ảrập Xêut 12/12/2015).*



## 2. Nguyên tắc bình đẳng

- Cử tri có quyền và nghĩa vụ như nhau, ứng viên được giới thiệu ra ứng cử đều theo tỷ lệ như nhau, kquả phụ thuộc vào số phiếu do cử tri bỏ.
- Mỗi người chỉ có 1 phiếu bầu, có giá trị như nhau, không bị ảnh hưởng bởi TS, địa vị... (ở Mỹ - đặt cược)
- Định mức bầu cử = tổng số dân có trên lãnh thổ chia cho tổng số Đbiểu.

## 3. Nguyên tắc bầu cử trực tiếp

- Cử tri trực tiếp bỏ lá phiếu vào thùng (khác ở Mỹ).
  - Thể hiện rõ tính dân chủ.
- Trong tương lai, nước ta cần áp dụng rộng rãi trong việc bầu ra các chức danh qtrọng trong BMNN.

## 4. Nt Bỏ phiếu kín

- Việc bỏ phiếu phải tuyệt đối được bảo mật. Cử tri phải tự tay viết...
- Thể hiện sự tự do về ý chí, tránh áp đặt  
→ khách quan.

→ *Nếu người già, không đi được hoặc người bị tàn tật, không tự bỏ phiếu vào hòm thì gq ntn?*

→ *Nt nào xuyên suốt quá trình bầu cử?  
Phân tích!?*

# 1. Qđ về tổng số ĐB được bầu

- ĐBQH: 500 ĐB. Trong đó,
- + các dân tộc thiểu số  $\geq 18\%$ ,
- + ĐB nữ  $\geq 35\%$ .

UBTVQH ấn định cho mỗi khóa QH và tổng số dân toàn quốc, các đvbc và các địa phương sẽ bầu ra số lượng Đb nhất định.

Mỗi đơn vị BC ĐBQH được bầu không quá 3 ĐBQH; Mỗi đvBC ĐB HĐND... 5 đb

# Số lượng đbHĐND ở CQ nông thôn

(Chương 2 Luật TC Chính quyền địa phương)

Khu vực	Tỉnh	Huyện	Xã, Thị trấn (CQĐT)
<b>MN, VC, HĐ</b>	<b>50-85</b>	<b>30-40</b>	<b>15-35</b>
	500.000/50đb	40.000/đb	<= 1000/15đb
	+30.000/đb	+5.000/đb	Trên 1000-2000/20đb
			Trên 2000-3000/25đb
			Trên 3000, +1000/đb <=35đb
<b>Nơi khác</b>	<b>50-95</b>	<b>30 - 40</b>	<b>25-35</b>
	1triệu/50đb	80.000/30đb	<= 4000/25đb
	+ 50.000/đb	+10.000/đb	+2000/đb
		từ 30 đvHC trực thuộc → =< 45 đb	

# Số lượng dbHĐND ở CQ đô thị

(Chương 3 Luật TC Chính quyền địa phương)

TP thuộc TW	Quận	Thị xã	Tp thuộc tỉnh; Tp thuộc Tp	Phường (thị trấn – xem CQ xã)
<b>50-95</b>	<b>30-40</b>	<b>30-40</b>	<b>30-40</b>	<b>25-35</b>
1triệu/50đb	80.000/30đb	70.000/30đb	100.000/30đb	<= 8000/25đb
+50.000/đb	+10.000/đb	+10.000/đb	+10.000/đb	+4.000/đb
HN, TP.HCM: 105 đại biểu	từ 30 đvHC trực thuộc → =< 45 db	từ 30 đvHC trực thuộc → =< 45 db	từ 30 đvHC trực thuộc → =< 45 db	<b>*</b> <b>—</b>

(Cơ cấu số lượng đại biểu HĐND Thị trấn, xem trong  
Bảng CQ nông thôn)

## 2. Qđ về các tổ chức bầu cử

**2.1.** Hội đồng bầu cử quốc gia (*Đ117 HP 2013; Đ12-20 LBCĐBQH&ĐBHĐND 2015*): 15-21 TV

**2.2.** Các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương (*Đ21 LBCĐBQH&ĐBHĐND 2015*)

- Ủy ban bầu cử đbQH + đbHĐND (21-31; 11-15; 9-11 TV)
- Ban bầu cử ở mỗi ĐVBC đbQH (9-15)
- Ban bầu cử ở mỗi ĐVBC đbHĐND (11-13; 9-11; 7-9);
- Tổ bầu cử, TL ở cấp xã (11-21)\_\*

# 3. Tiến trình cuộc bầu cử (ChVII)

**1- Qđ về ngày, giờ bầu cử (5,7-19,22g CN, QH  
cbổ chậm nhất là 115 ngày trước ngày bầu cử).**

**2- Thẻ thức bỏ phiếu**

**3- Kiểm phiếu**

**4- Kết quả BC ở đơn vị BC**

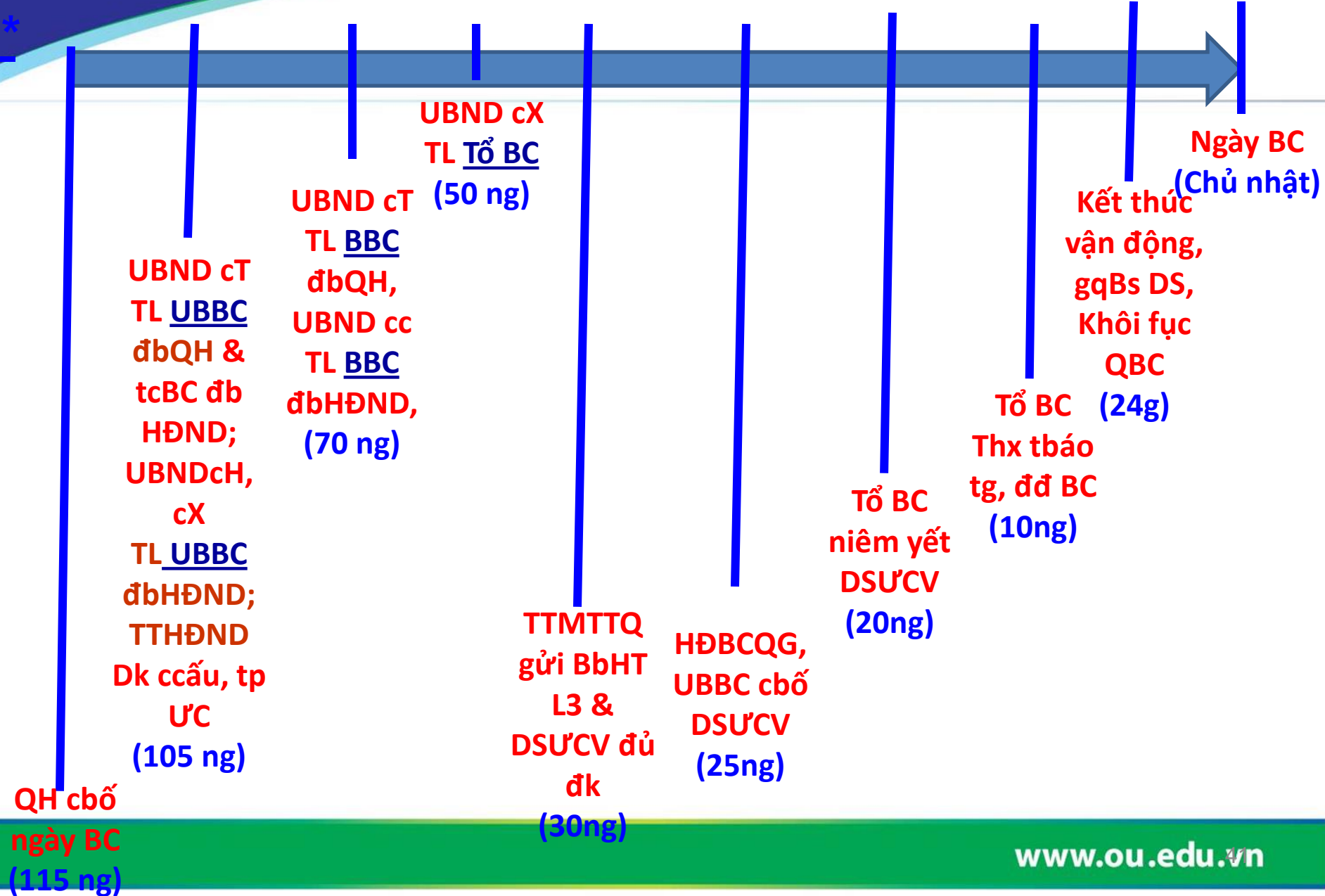
**5- Tổng kết cuộc BC**

BBC gửi Biên bản xử kết quả BC → UBBC lập Biên bản xử kết quả BC ở địa phương → HĐBC căn cứ Biên bản tổng kết BC trong cả nước công bố kq BC và DS người trúng cử ĐBQH.



# Các mốc tg trong tiến trình BC

\*



## IV. Bãi nhiệm đại biểu

**Bãi nhiệm** là việc người cán bộ không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kì. Bà Hoàng Yến bị bãi nhiệm tư cách đại biểu

QH

→ Thủ tục **Bãi nhiệm đại biểu** gần giống như thủ tục bầu cử.

Trước đây, bãi nhiệm ĐBHĐND được qđ trong *HP*<sub>(Đ7)</sub>, *Luật Bầu cử ĐBHĐND*, bãi nhiệm ĐBQH được đề cập trong *HP*<sub>(Đ7)</sub>, *Luật Tổ chức QH*<sub>(Đ56, 88, 91)</sub>, *Quy chế hđ của đb Quốc hội và Đoàn ĐbQH*<sub>2002 (Đ32,33)</sub>, *Nội quy kỳ họp QH*<sub>2002 (Đ36)</sub>, *Luật tc HĐND & UBND*<sub>(Đ29)</sub>

Hiện nay, *Luật hoạt động giám sát của QH & HĐND 2015\**

# Bài 3. QUỐC TỊCH VIỆT NAM

I. Khái niệm quốc tịch

II. Một số vấn đề cơ bản về Luật  
Quốc tịch trên thế giới

III. Luật QT Việt Nam

Đề tài 3 : *Chế định Quốc tịch Việt Nam qua các Hiến pháp@*

Một số vbpl cũ\*

# I. Khái niệm quốc tịch

**1. Khái niệm chung về quốc tịch (QT)**  
**Nhà nước  $\leftrightarrow$  công dân**

**2. QT với vấn đề Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân**  
 **$\rightarrow$  Cái nào có trước? ...** Bài 2:

## II. Một số vấn đề về L.QT trên tgiới

1. Đường lối chính trị- pháp lý trong PL về QT của các nước trên TG

2. Các nguyên tắc xác định QT của luật pháp QT

2.1. Nguyên tắc xác định QT gốc

2.2. Nguyên tắc 1 hay nhiều QT

3. Vấn đề thay đổi QT Bài 2:

## 1. Đường lối CT- Pháp lý trong PL về QT của các nước trên TG

- ... luôn hạn chế hoặc không cho những người có xu hướng CT đối lập nhập QT nước mình;
- đưa ra các điều kiện để nhập QT.
- ... phản ánh chính sách dân số của quốc gia;
- ... thể hiện rõ tính QT, tính hòa nhập vào cộng đồng TG, công nhận mọi người đều có Q có QT.

## 2.1. Nguyên tắc xác định QT gốc

- \* . Tiêu chí **huyết thống**
  - Cha và mẹ có cùng QT →
  - Cha và mẹ không cùng QT →
  - Chỉ có cha hoặc mẹ có QT →
- \* . Tiêu chí **nơi sinh**
  - Nơi trẻ được sinh ra...
  - Nơi trẻ được tìm thấy... [http://www.ou.edu.vn](#)

## 2.2. Nguyên tắc 1 hay nhiều QT

- **Một người mang một QT**  
(CHND THoa, Lào, Nga, Nhật,...)
- **Công khai thừa nhận nhiều QT hoặc PL không chặt chẽ** (*Pháp, Canada, Australia, CPC...*)
- **xung đột pháp luật**
- **htượng *triệt tiêu QT* hoặc *nhiều QT*.**



## III. Luật QT Việt Nam

- 1945: Xuất hiện = các *Sắc lệnh* của CTN;
- 1971: UBTVQH bh *NQuyết* 1013;
- 1988: *Luật QTVN* K8 thqua ngày 28/6/1988;
- 1998: *Luật QTVN* được QH K10 thqua ngày 20/5/1998;
- 2008: *Luật QTVN* được QH K12 thqua ngày 28/11/2008 (hl 01/7/2009);
- 2014: *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch 2008.*

# Các ndung cơ bản của LQTVN

- a. Các nguyên tắc QTVN**
- b. Giấy tờ chứng minh QTVN**
- c. Có Quốc tịch Việt Nam**
- d. Mất quốc tịch Việt Nam HTKT**
- e. Thẩm quyền và thủ tục gq các vấn đề về QT\***

# Hệ thống kiến thức về QTVN

## Vào → có QTVN

1. Do được sinh ra (3TH)
2. Được nhập QT VN,
3. Được trở lại QTVN;
4. Được tìm thấy/ được nhận nuôi/theo cha mẹ
5. Theo ĐƯ'QT mà VN ký kết/ tham gia,

## Ra → Mất QTVN

1. Xin thôi QT VN,
2. Bị tước QT VN,
3. Tìm được cha mẹ người nngoài/theo cha mẹ
4. Bị hủy bỏ QĐ đã nhập QT VN.
5. Theo ĐƯ'QT mà VN ký kết/ tham gia\*

## e. Thẩm quyền và thủ tục gq các vấn đề về QT

(Chương V, L.QT → cần nhớ:

- **QH:** ban hành L; giám sát việc thực hiện PL; phê chuẩn/ bãi bỏ các ĐƯ'QT về QT.
- **CTN:** cho nhập/thôi/tước/trở lại QTVN; hủy bỏ QĐ cho nhập QT VN; ký kết ĐƯ'QT nhân danh NN VN; QĐ phê chuẩn/ tham gia ĐƯ'QT về QT (trừ TH cần trình QH).

# **Bài 4: QUYỀN CON NGƯỜI- QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN**

- I. Khái niệm *Quyền CN, Quyền và ngvụ cơ bản của CD***
- II. Những ntắc HP của chế định *Quyền và ngvụ cb của CD***
- III. Phân loại các *Quyền và ngvụ cb của CD* theo HP hiện hành**
- IV. Sự kế thừa và phát triển của **Chế định** qua các Hiến pháp + điểm mới HP 2013@**

# I. Cơ sở pháp lý

## 1. HP1946

Ch2 - Nghĩa vụ và quyền lợi của CD (có 18/70 Điều)

## 2. HP1959

Ch3 – Quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của CD (21/112)

## 3. HP1980

Ch5 - Quyền và nghĩa vụ cơ bản của CD (29/147)

## 4. HP1992

Ch5 - Quyền và nghĩa vụ cơ bản của CD (34/147)

## 5. HP2013

Ch2 - Quyền CN, Q và ngv cơ bản của CD (36/120)

→ Cần phân tích để chỉ ra ý nghĩa của sự thay đổi về vị trí của chương này trong các HP

# I. Kn Quyền con người- Q và ngvụ cơ bản của CD

## 1. Khái niệm “con người” và “Công dân”

*Phạm trù “con người” (cá nhân) với “công dân”, cái nào rộng hơn?*

## 2. Kn “Quyền con người”, “quyền công dân”

- Q con người: là những đảm bảo pháp lý toàn cầu, có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc mà làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép và sự tự do cơ bản của con người.

- **Quyền & Ngv cơ bản của CD:** là các quyền và nghĩa vụ được xác định trong HP trên các lĩnh vực chính trị, dân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa, là cơ sở để thực hiện các quyền và nghĩa vụ cụ thể khác của công dân và là cơ sở chủ yếu để xác định địa vị pháp lý của công dân.
- là các Q & Ngv tối thiểu mà CD phải thực hiện đ/v NN, và là *tiền đề* để đảm bảo cho các Q & Ngv khác của CD.

### *Vì sao Q và Ngv đó được gọi là cơ bản?*

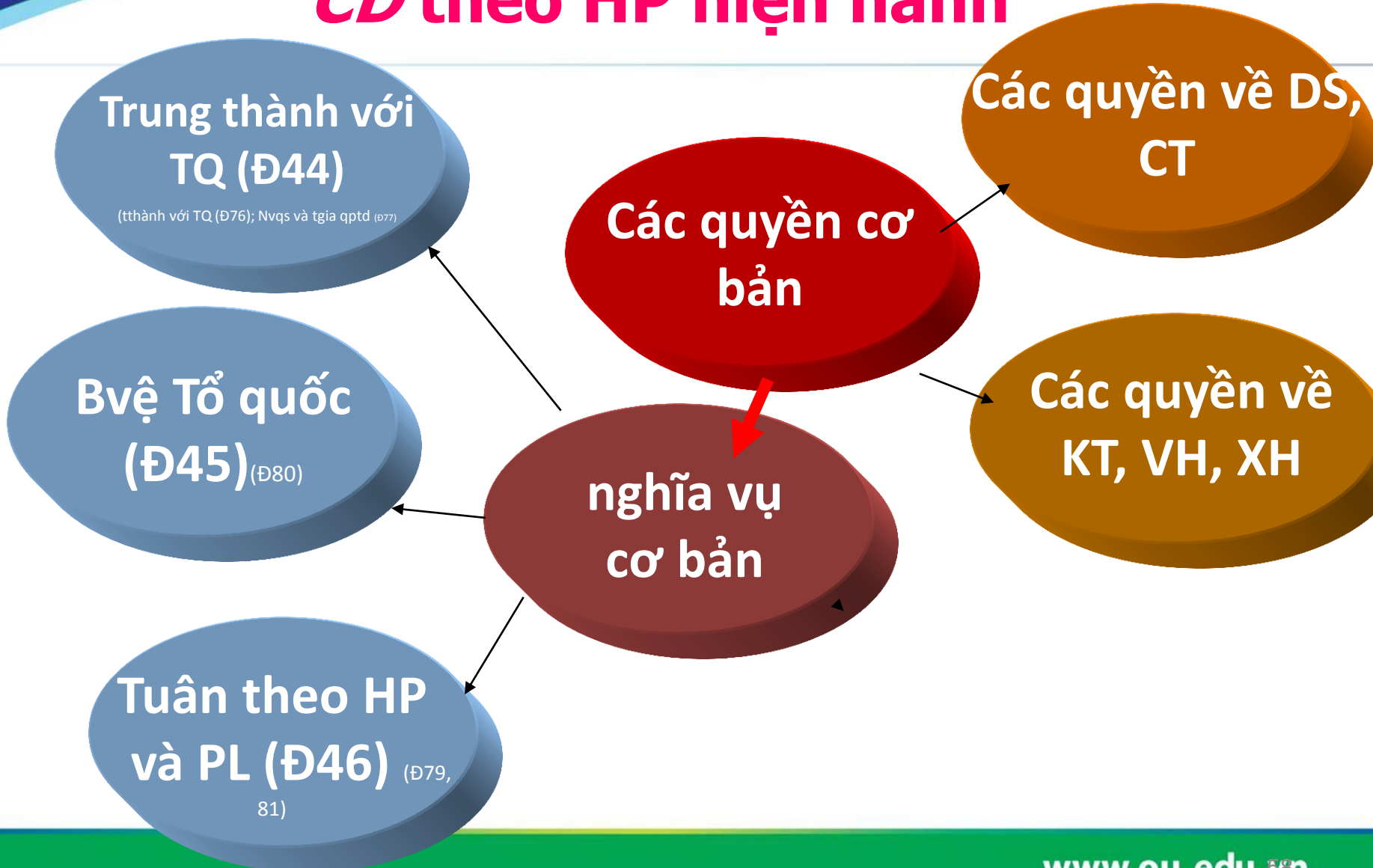
- Được qđ ở đâu?
- Thể hiện mqh pháp lý gì?
- Có ý nghĩa gì?



## II. Những ntắc HP của chế định *Quyền con người- quyền và ngvụ cb của CD*

1. Nguyên tắc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân
2. Nguyên tắc mọi người, mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật
3. Nguyên tắc mọi người, mọi công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội
4. Nguyên tắc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác
5. Nguyên tắc giới hạn quyền con người, quyền công dân\*

# III. Phân loại các Quyền và ngvụ cb của CD theo HP hiện hành



## 6 điểm mới trực tiếp về QCN-QCD HP 2013

- Thay đổi vị trí và tên gọi của chế định;
- QCN đã có một vị trí xứng đáng (tên chế, 21/36Đ) → không còn bị nhập nhằng vì *được thể hiện ở các QCD như HP92*;
- HP ghi nhận cả 3 nguyện của NN: *tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm QCN* (Đ3, 14) -HP 1992, chỉ *tôn trọng* (Đ50);
- K2 Đ14 làm xhien ngtắc hiến định mới;
- Ghi nhận 1 số Q & Nv mới (K2 Đ17; Đ19, 22, 34, 41, 42, 43);
- HP củng cố lại hầu hết các QCD\_\*

# **Bài 5: BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCNVN**

**I. Cơ sở hiến định về Bộ máy Nhà nước**

**II. Khái niệm Bộ máy Nhà nước**

**III. Các nấc tc và hđ của Bộ máy Nhà nước CHXHCNVN**

**IV. Quá trình hình thành và ptriển của BMNN CHXHCNVN**

**Đề tài 5 : Sự kế thừa và phát triển của Bộ máy nhà nước Việt Nam qua các Hiến pháp@**

# Cơ sở pháp lý về BMNN qua các HP

## 1. HP1946

Ch3-6 – NVND, CP,  
HĐND&UBND, CQTP

## 2. HP1959

Ch4-8 – QH, CTNVNDCCH, HĐCP,  
HĐND&UBND ĐPCC, HĐND&UBND  
Ở CÁC KHU TỰ TRỊ, TAND&VKSND

## 3. HP1980

Ch6-10 – QH, HĐNN, HĐBT,  
HĐND&UBND,  
TAND&VKSND

## 4. HP1992

Ch6-10 – QH, CTN, CP,  
HĐND&UBND, TAND&VKSND

## 5. HP2013

Ch5-10 – QH, CTN, CP,  
TAND&VKSND, CQĐP,  
HĐBCQG,KTNN

→ Cần phân tích để chỉ ra  
được sự kthừa và ptriển về  
cấu trúc BMNN, về tên gọi của  
các cq trong BMNN...\*

# I. Khái niệm Bộ máy Nhà nước

## 1. Bộ máy nhà nước

là một hệ thống các Cơ quan nhà nước từ TW đến địa phương, được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc chung, thống nhất nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ do bản chất NN quy định.

BMNN là một hệ thống bao gồm nhiều →  
*Phân biệt Nhà nước với Bộ máy nhà nước?*

# Dựa vào trật tự hình thành, tính chất, chức năng, vị trí (chia dọc) → BMNN

**Htcq  
Quyền lực  
Nhà nước**

(**cq lập pháp**,  
cq đại diện,  
**cq đbiểu ND**,  
cq dân cử,  
**cq dân bầu**)

**Htcq  
Hchính NN**

(**cq  
hành pháp**,  
cq qlý NN,  
cq  
chấp hành  
& điều hành)

**Htcq  
xét xử**  
(**cq tư pháp**,  
cq bảo vệ  
pháp luật,  
**cq tiến hành  
tổ tụng**)

**Htcq  
Kiểm sát**  
(cq bảo vệ  
pháp luật,  
**cq tiến hành  
tổ tụng**)

**các  
thiết chế  
Hiến định  
độc lập**  
(CTN,  
HĐBCQG,  
KTNN)

## II. Các ntắc tc và hđ của Bộ máy Nhà nước CHXHCNVN (theo HP 2013)

1. Nt Quyền lực NN thuộc về ND (K1, 2 Điều 2 và Điều 6)
2. Nt qlực NN là thnhất, có sự pcông, phối hợp và **kiểm soát** giữa các cq thhiện các Q lập pháp, hpháp, tư pháp (K3 Điều 2)
3. Đảng lãnh đạo (Điều 4)
4. Nt bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc (Điều 5)
5. Nt Tập trung dân chủ (Điều 8)
6. Nt Pháp chế (Điều 8) Bài 4:



# Chú ý khi trình bày về một nguyên tắc

## a. Cơ sở pháp lý:

Điều ... HP 2013

## b. Nội dung của nguyên tắc:

(nêu tóm tắt các nội dung chính, VD: nt Đảng lãnh đạo, cần nêu được:

- Đảng định hướng sự phát triển của tc BMNN;
- Đảng gthieu, bồi dưỡng CB ưu tú để nd lựa chọn, bầu hoặc bổ nhiệm vào các cqNN;
- Đảng vạch ra đường lối, mục tiêu xd NN;
- Đảng lđạo NN = pp tuyên truyền, = hành động gương mẫu của các Đảng viên.

## c. Ý nghĩa của nguyên tắc

→ *Đọc Giáo trình/ Tài liệu học tập*

## III. Quá trình hình thành và phát triển của Bộ máy Nhà nước CHXHCNVN

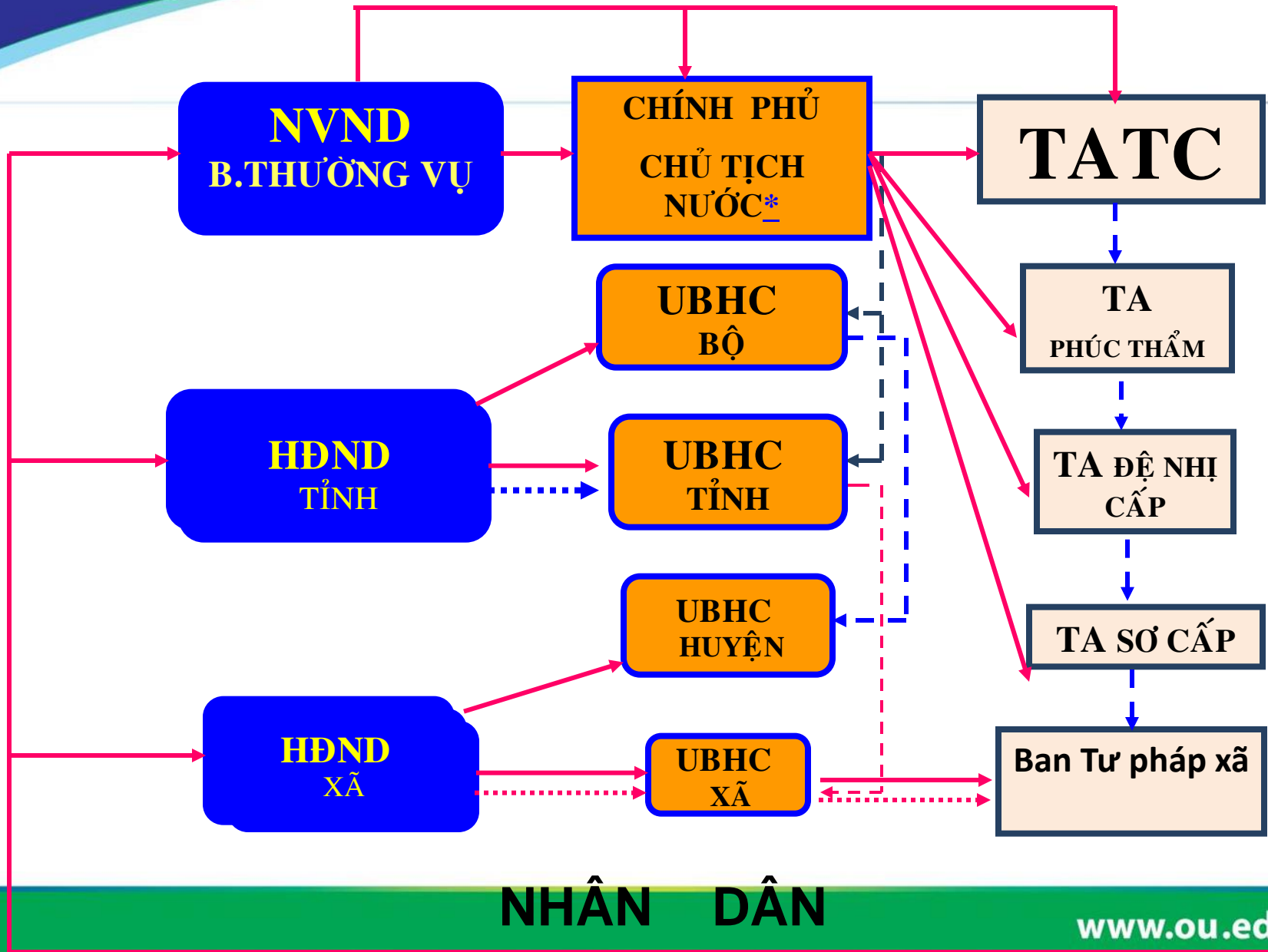
### 1. GD trước CMT8 năm 1945

NN VN là NN thuộc địa nửa phong kiến, chính thể *quân chủ chuyên chế*.

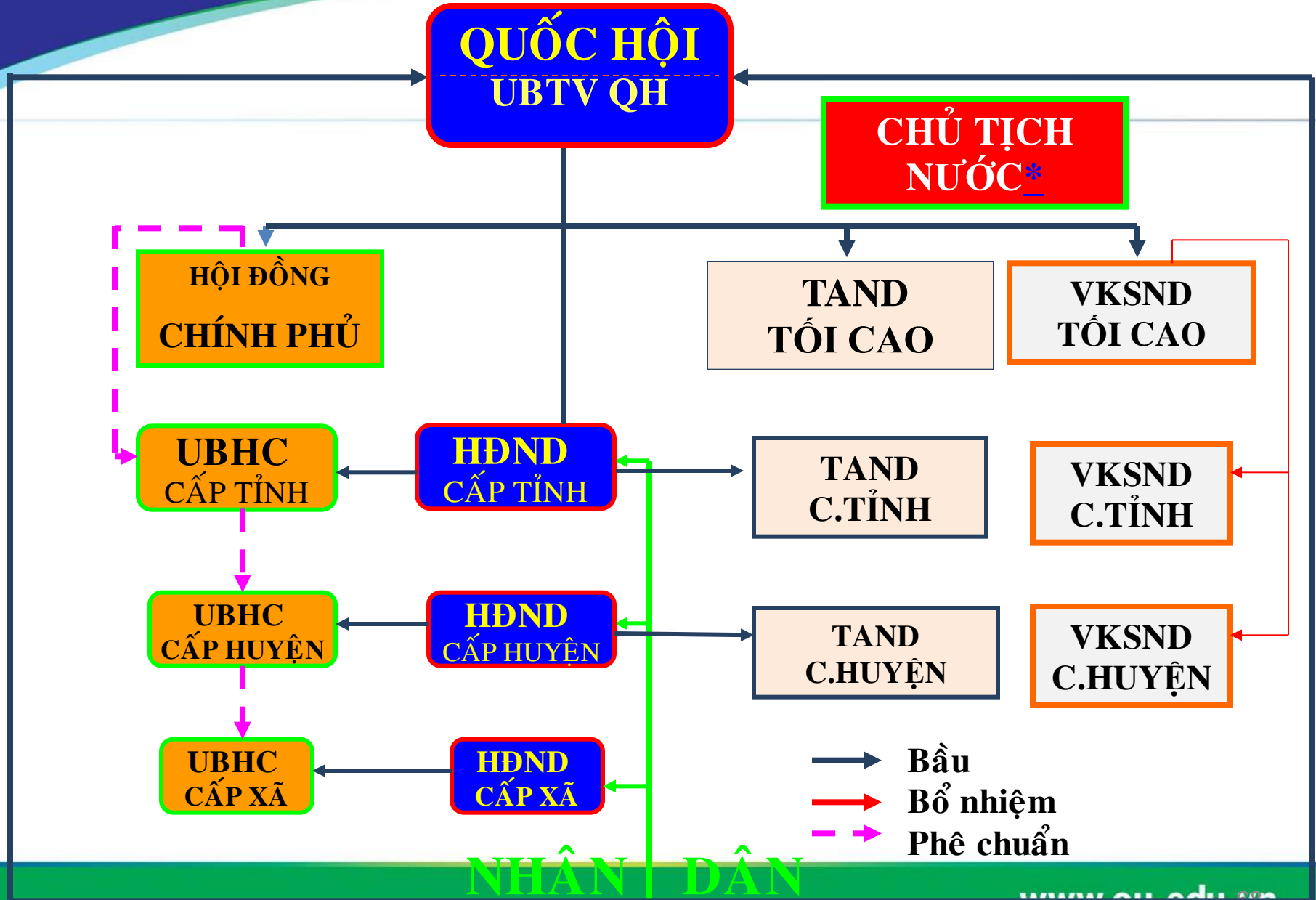
→ *Không phải do dân lập nên, không phải là NN XHCN.*

### 2. GD sau 1945 (theo 5 bản HP)

# BMNN theo HP 1946



# BMNN theo HP 1959



**QUỐC HỘI  
HĐ NHÀ NƯỚC**

**HĐBT**

**TANDTC**

**VKSNDTC**

**UBND  
CẤP TỈNH**

**HĐND  
CẤP TỈNH**

**TAND  
CẤP TỈNH**

**VKSND  
CẤP TỈNH**

**UBND  
CẤP HUYỆN**




**HĐND  
CẤP HUYỆN**

**TAND  
CẤP HUYỆN**

**VKSND  
CẤP HUYỆN**

**UBND  
CẤP XÃ**

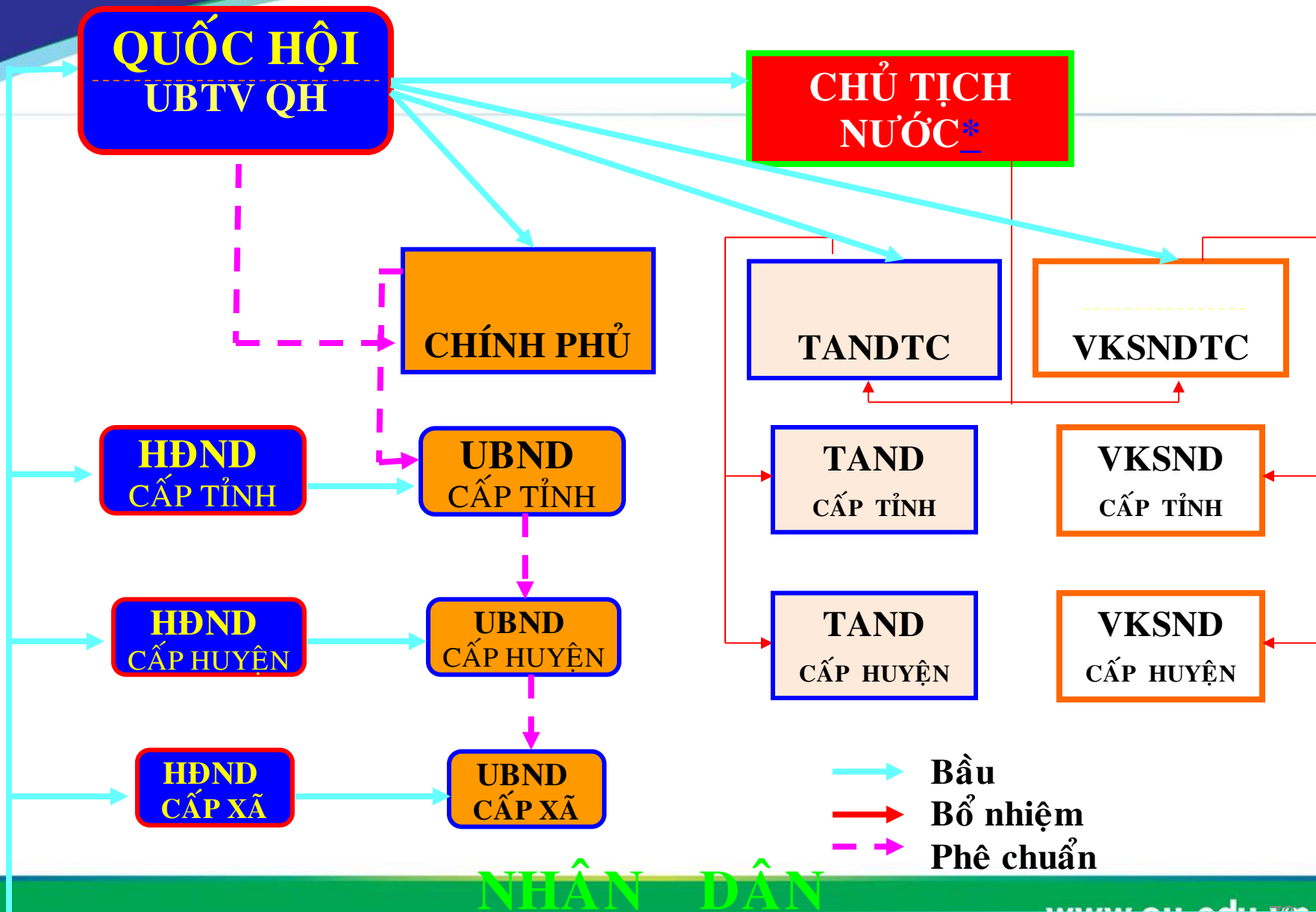
**HĐND  
CẤP XÃ**

-  Bầu
-  Bổ nhiệm
-  Phê chuẩn

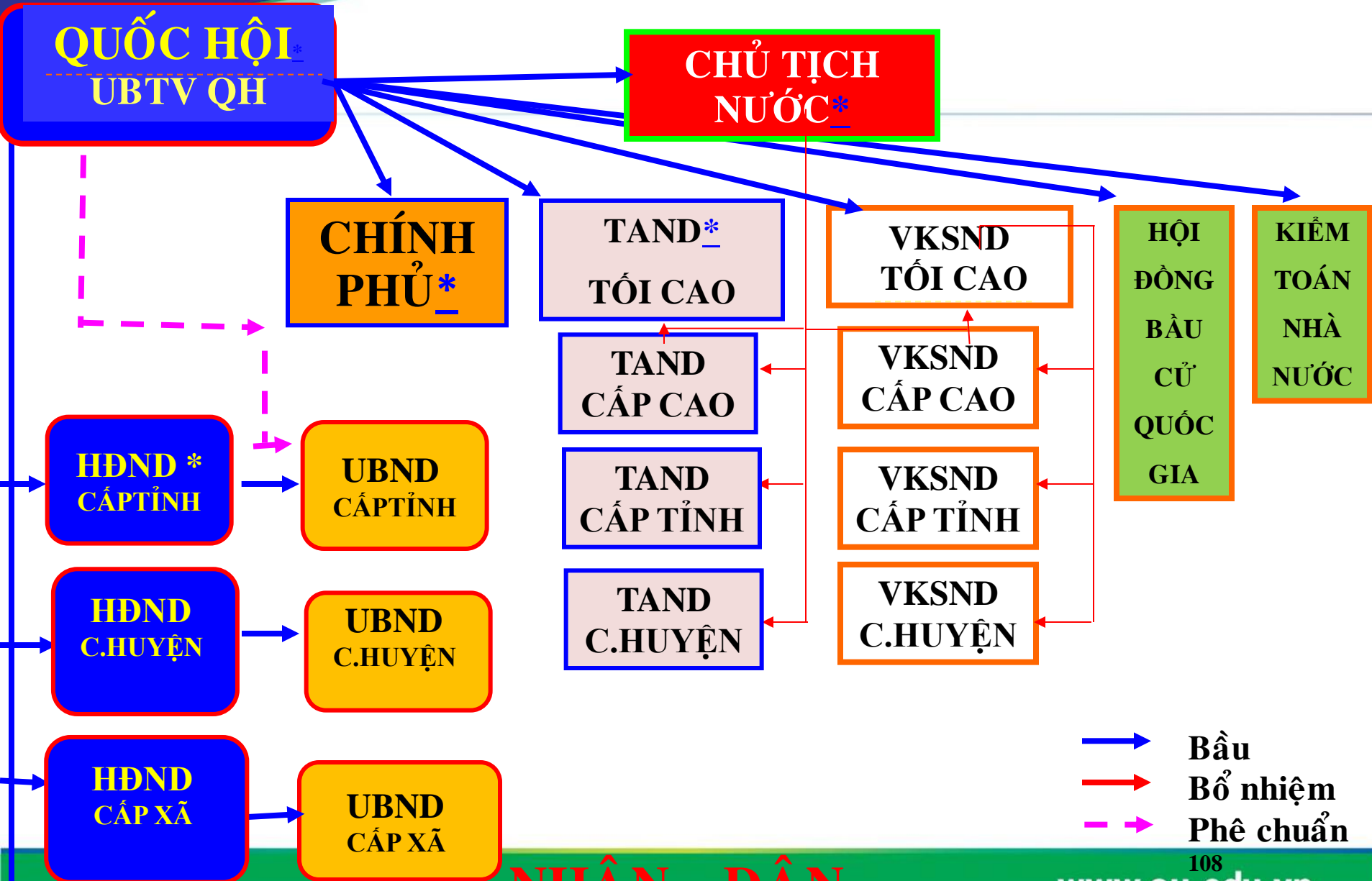
**NHÂN DÂN**

# BMNN theo HP 1992

Cơ hội học tập cho mọi người



**NHÂN DÂN**



## Bài 6: QUỐC HỘI VIỆT NAM

\* Cơ sở hiến định

I. Vị trí, vai trò, chức năng của QH

II. Nhiệm vụ- quyền hạn của QH

III. Tổ chức của Quốc hội

IV. Kỳ họp Quốc hội

V. Đại biểu Quốc hội

**Đề tài 6** : *Sự kế thừa và phát triển của Quốc hội Việt Nam qua các Hiến pháp@*



# Cơ sở pháp lý và vị trí của QH qua các HP

## 1. HP1946

Ch3 – NVND  
(Điều 22)

## 2. HP1959

Ch4 – QH  
(Điều 43)

## 3. HP1980

Ch6 – QH  
(Điều 82)

## 4. HP1992

Ch6 – QH  
(Điều 83)

## 5. HP2013

Ch5 – QH  
(Điều 69)

→ Cần phân tích để chỉ ra được sự kthừa và ptriển về tên gọi, về cấu trúc, vị trí pháp lý,... của QH qua các HP\_\*

# I. Vị trí –vai trò-chức năng của QH\*

(Đ.69 HP2013):

- Quốc hội là cơ quan:
  - + đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước...;
  - + cq thực hiện quyền lập hiến và Q lập pháp;
  - + có quyền quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước;
  - + thực hiện quyền giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước\*

## II. Nhiệm vụ- quyền hạn của QH

### → Điểm mới HP 2013 (Điều 70)

1. Qđ rõ hơn, khả thi và phù hợp hơn (bỏ K1 Đ.84, K3 Đ.83 HP92 → K3 Đ.70 HP2013,)
2. Bs thq về pc, bn, mn, cc TPTATC (K7 Đ70);
3. Bs thq về g/sát tc và quy định TCNS đ/v KTNN, HĐBCQG, Cq khác do QH TL (K2 Đ70);
4. Phân định rõ ĐU'QT thuộc QH pc (K14 Đ70)
5. QĐ rõ hơn thq đ/v NSNN (K4 Đ70)

### → Chú ý 3 lĩnh vực:

- trong công tác nhân sự
- trong công tác tổ chức bộ máy nhà nước
- trong công tác ban hành và xử lý văn bản pháp luật



# 1. Trong công tác tổ chức nhân sự

(K7,8 Đ70 HP2013; Đ8 Luật TCQH2014)

a). Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm: 13 cd

1. Chủ tịch Quốc hội,
2. Các Phó Chủ tịch Quốc hội,
3. Các UV UBTVQH,
4. Chủ tịch nước,
5. Phó Chủ tịch nước,
6. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc,

- 7. Các Chủ nhiệm UB của QH,**
- 8. Thủ tướng CP,**
- 9. Chánh án TANDTC,**
- 10. Viện trưởng VKSNDTC;**
- 11. CT HĐBCQG,**
- 12. Tổng KTNN,**
- 13. Tổng thư ký của Quốc hội,**
- (14. Người đứng đầu cq khác do QH lập).**

**b). Phê chuẩn đề nghị việc bổ nhiệm (K7,8 Đ70 HP2013; Đ9 Luật TCQH2014)**

1. Phó Thủ tướng Chính phủ,
2. Bộ trưởng,
3. Các thành viên khác của Chính phủ;
4. Thẩm phán TANDTC,
5. Danh sách thành viên HĐ QP và AN,
6. Danh sách thành viên HĐBCQG.

c) Lấy phiếu tín nhiệm đ/v những người giữ các chức vụ do QH bầu (trừ 11, 13) và phê chuẩn (trừ 4,5,6) → Xem Đ12 Luật TCQH2014;

d) Bỏ phiếu tín nhiệm đ/v những người giữ các chức vụ do QH bầu/phê chuẩn → Xem Đ13 Luật TCQH2014;

## **2. Trong lĩnh vực tổ chức BMNN**

**(K9 Điều 70 HP 2013)**

- QĐ thành lập, bãi bỏ Bộ, cquan ngang Bộ;
- Thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đvHC ctỉnh, đv HC
- KT đặc biệt;
- TL, bãi bỏ cq khác theo HP và Luật.

### **3. Trong lựợc ban hành và xử lý văn bản PL**

**(K1, 10, 14 Điều 70 HP 2013)**

- Ban hành: HP, BL, L, NQ (K1)
- Phê chuẩn, QĐ gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của ĐƯQT liên quan đến... (K14)
- Bãi bỏ văn bản trái Hiến pháp, luật và nghị quyết của QH, của 6 chủ thể (K10).



## 4. Trong lv giám sát tối cao hđ của NN

- QH thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của QH → nhằm thi hành triệt để...
- Gsát thông qua việc xét báo cáo hđ của Chủ tịch nước, UBTVQH, CP, TANDTC, VKSNDTC, HĐBCQG, KTNN, và cq khác do QH tập; thông qua việc chất vấn của các đbQH...
- Quyết định đại xá \*

## III. Tổ chức của Quốc hội

- Ủy ban thường vụ Quốc hội (bs thq K8 Đ74) là cơ quan thường trực của Quốc hội, (gồm có: Chủ tịch; các Phó Chủ tịch Quốc hội; Các ủy viên).

- HĐ dân tộc (tăng sự gs, K1 Đ77): năm 1961 UBĐT → HP80 nâng lên thành HĐ DT,

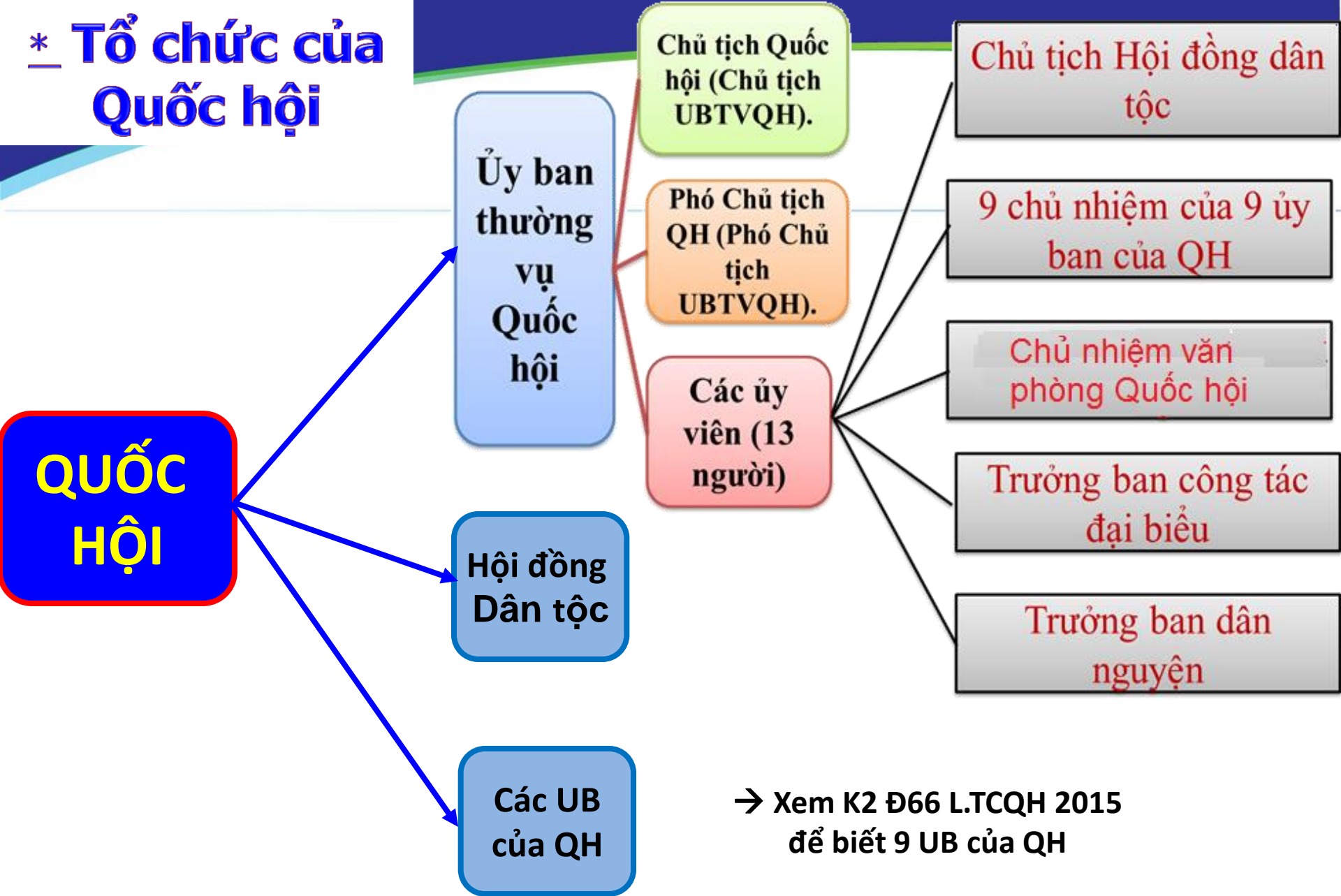
- Các UB của QH (tăng sự gs, K1 Đ77):

• Trưởng do Quốc hội bầu; Phó và UV do QH phê chuẩn (Đ75, 76);

• Mỗi Ủy ban có một số thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách\*

→ Thành viên UBTVQH cần có điều kiện gì?

# \* Tổ chức của Quốc hội



→ Xem K2 Đ66 L.TCQH 2015 để biết 9 UB của QH

## IV. Kỳ họp Quốc hội

(Đọc Điều 83 HP2013- Đ86 HP 92)

? *“Hoạt động chủ yếu của QH thể hiện qua các kỳ họp”*, đúng/sai? gt

? *“Trong một năm, QH luôn luôn tổ chức hai kỳ họp”*, đúng/sai? gt

- Họp thường kỳ...
- Họp bất thường, theo yêu cầu của chủ thể?\*

## V. Đại biểu Quốc hội

- ĐbQH là ai? Nhiệm vụ? Quyền? trong đó, có một quyền rất đặc biệt, là quyền gì?
- Nhiệm kì của đbQH?
- Kỳ họp nào của địa phương cần có sự tham dự của đbQH? Dự với tư cách nào? Có ý nghĩa gì?

**- Bãi nhiệm đbQH:** Khi không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của dân, tùy theo mức độ vp mà đbQH sẽ bị QH hoặc cử tri bãi nhiệm.

→ UBNDQH quyết định việc đưa đbQH ra bãi nhiệm, theo đngị của UBNDTTQVN, UBNDTTQ cấp tỉnh hoặ của cử tri nơi bầu ra đbQH đó.

**- Tam đình chỉ, dương nhiên mất quyền đbQH:**

Khi đbQH bị truy cứu TNHS; bị TA kết án, ktn bản án, QĐ của TA có hiệu lực\*

# Bài 7: CHỦ TỊCH NƯỚC

I. Khái niệm – tính chất của Chủ tịch nước

II. Quan hệ giữa CTN với cqNN

III. Thẩm quyền của CTN

IV. Phó CTN

Đề tài 6 : Sự kế thừa và phát triển của chế định

*Chủ tịch nước qua các Hiến pháp Việt Nam và dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 2013@*

# CS pháp lý và vị trí của CTN qua các HP

## 1. HP1946

Ch4 – CP  
(Điều 45, 49)

## 2. HP1959

Ch5 – CTN  
(Điều 61)

## 3. HP1980

Ch7 – HĐNN  
(Điều 98)

## 4. HP1992

Ch7 – CTN  
(Điều 101)

## 5. HP2013

Ch6 – CTN  
(Điều 86,87)

→ Cần phân tích để chỉ ra được sự kthừa và ptriển về tên gọi, vị trí,... của CTN qua các HP...\*



# I. Khái niệm – tính chất của CT nước

- Trên tg: ... Vua, Hoàng đế, Tổng thống, Đoàn chủ tịch, Hội đồng liên bang, Hội đồng nhà nước, Chủ tịch nước.

- Ở VN: + HP46 - Chủ tịch nước - Đ.22
- + HP59 - Chủ tịch nước - Đ.61
- + HP80 - Hội đồng nhà nước - Đ.98
- + HP92 – Chủ tịch nước - Đ.101
- + HP2013 – Chủ tịch nước - Đ.86\*

## II. Quan hệ giữa CTN với cqNN

- Qh giữa CTN với QH và UBTVQH: mang tính phái sinh và gắn bó, vì
  - + Việc gđ và bầu ra CTN...
  - + CTN gắn với QH chứ không gắn với CP như trước.
- Quan hệ giữa CTN với CP:
  - + Đề nghị QH bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm TTCP;
  - + Căn cứ vào NQ của QH, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức P.TT, BT và các TV khác của CP;

+ Chấp thuận việc từ chức đ/v, P.TT, BT và các TV khác của CP;

+ Trong tq QH không hợp, theo đnghi của TT, QĐ tam đình chỉ công tác của P.TT, BT và các TV khác của CP;

+ TTCP báo cáo trước CTN.

-Qh giữa CTN với TANDTC, VKSNDTC:

+ Đề nghị QH, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm CA, VT tối cao;

+ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức P.CA, TP TANDTC (+QH p/chuẩn), CA, P.CA TAQSTW, P.VT và KSV VKSND tối cao\*\_

## **III. Thẩm quyền của CTN**

**(Điều 88, HP2013)**

1. Trong lĩnh vực lập pháp (K1)
2. Trong công tác tổ chức nhân sự của CPhủ (k2)
3. Trong lĩnh vực tư pháp (k3)
4. Những nhiệm vụ, quyền hạn mang tính biểu tượng của người đứng đầu Nhà nước (k4)
5. Những nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực quốc phòng an ninh (k5)
6. Những nhiệm vụ, quyền về mặt đối ngoại của Nhà nước (k6)

## IV. Phó CTN

**P.CTN giúp CTN làm nhiệm vụ.**

- HP 46: P.CTN được chọn trong nhân dân;
- HP 59: P.CTN cũng được tuyển như CTN;
- HP 80: không có P.CTN (chỉ có P.CT HĐNN);
- HP 92: P.CTN được bầu ra trong số đbQH, theo đề nghị của CTN.
- HP 2013: P.CTN được bầu ra trong số đbQH, theo đề nghị của CTN<sub>—</sub>\*

## HP46 - Chủ tịch nước

(không có chế định “Chủ tịch nước” độc lập)

- . Vừa đứng đầu NN, vừa đứng đầu CP;
  - . Do NVND (3năm) bầu ra, với Nk 5n;
  - . Chọn Trưởng trong NV → NV bquyết;
  - . Bổ nhiệm Thủ tướng, Nviên Nội các và các Nviên cao cấp thuộc các cq CP.
  - . Thay mặt cho đnước...(Đ49, HP46);
  - . CTN không phải chịu một trách nhiệm nào, trừ khi phạm tội phản quốc.
- ... vị trí tương tự các cđộ CHTthống hay CH lưỡng tính Tư sản\_

# HP59 - Chủ tịch nước

(có chế định “Ctịch nước” – ch.V)

- . Chỉ đứng đầu NN, **không** đứng đầu CP;
  - . Do QH (4 năm) bầu ra trong **công dân**, với Nkì theo QH;
  - . Bổ nhiệm, bãi nhiệm TT, P.TT, các TV khác của HĐCP, có khi tham dự và chủ tọa các p.họp của HĐCP.
- ... có vị trí **phối hợp giữa lập pháp và hành pháp**, tuy nhiên vẫn còn **nghiêng về hành pháp hơn**.

# HP80 – Hội đồng nhà nước

(có chế định “HĐ Nnước” – ch.VII)

. Đứng đầu NN là *Chủ tịch tập thể*; NK theo QH;

. TV HĐNN *ko đồng thời* là TV HĐCP;

. Trong tq QH không hợp, cử và bãi miễn các P.CT HĐBT, các BT, các Chủ nhiệm UBNN;

. Có nhiều NV về lập, hành, tư...

→ ... mô hình *thịnh hành ở các nước XHCN LX và Đông Âu.*



# HP1992 – Chủ tịch nước

(có chế định “CTN nước” – ch.VI)

- . Đứng đầu NN, thay mặt NN về đối nội, đối ngoại;
- . Được bầu ra trong số các đbQH, NK theo QH;
- . Căn cứ vào NQ của QH, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức P.TT, BT và các TV khác của CP;
- . Có nhiều NV về lập, hành, tư...  
→ vtrò *trung tâm CT, góp phần đảm bảo sự phân công phối hợp giữa các cqNN trong việc thiệm qlyc NN.*

# HP2013 – Chủ tịch nước

(có chế định “CTNnước” – ch.VII)

. Đứng đầu NN, thay mặt NN về đối nội, đối ngoại;

. Được bầu ra trong số các đbQH, NK theo QH;

...

. Có nhiều NV về lập, hành, tư... → Thực quyền hơn

→ ...vtrò *trung tâm CT, góp phần đảm bảo sự phân công phối hợp giữa các cqNN trong việc thiệtn qlực NN.*

# Bài 8: CHÍNH PHỦ VIỆT NAM

\* Cơ sở hiến định về CP qua các HP

I. Vị trí – tính chất của CP

II. Nhiệm vụ- quyền hạn của CP

III. Tổ chức của CP

IV. Các hình thức hđ của CP

**Đề tài 6** : Sự kế thừa và phát triển của Chính phủ Việt Nam qua các Hiến pháp Việt Nam và dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 2013@

# Cơ sở hiến định về CP qua các HP

**1. HP1946**

Ch4 – CP

**2. HP1959**

Ch6 – Hội đồng  
Chính phủ

**3. HP1980**

Ch8 – Hội đồng  
Bộ trưởng

**4. HP1992**

Ch8 – CP

**5. HP2013**

Ch7 – CP

→ Cần phân tích để chỉ ra được sự kthừa và ptriển về tên gọi, vị trí,... của CP qua các HP...\*

## I. Vị trí – tính chất của CP

- (Đ.43 HP1946 - Đ.71 HP1959 - Đ.104 HP1980 - Đ.109 HP92 - Đ.94 HP2013): CP là cơ quan
- *hành chính Nhà nước cao nhất* của nước CHXHCNVN,
  - *thực hiện quyền hành pháp*,
  - *cơ quan chấp hành của Quốc hội*,...
- Hiện thực hóa các vđ qtrọng,...
- *thống nhất quản lý* việc thực hiện các nhiệm vụ CT, KT, VH, XH, QP, AN và ĐN của NN;
  - *bảo đảm* hiệu lực của bộ máy Nhà nước từ trung ương đến địa phương\*

## II. Nhiệm vụ- quyền hạn của CP

(Điều 96, HP2013, Đ6- 28 LTCCP 2015)

Chú trọng trong 3 lĩnh vực:

1). Trong công tác nhân sự (K3 Đ98HP, Đ.28 Luật TCCP 2015)

Thủ tướng CPhủ

1- *Trình Quốc hội phê chuẩn* đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và trong thời gian QH không họp, *trình Chủ tịch nước quyết định tạm đình chỉ công tác* Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ.

2- *Trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn* việc bổ nhiệm, miễn nhiệm đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Việt Nam;

## N.vụ- q.hạn của TTCP trong các nhân sự

- 3- *Quyết định giao quyền* Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ (trong thời gian QH không họp); giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong thời gian HĐND cấp tỉnh không họp) theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;
- 4- *Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức* Thứ trưởng, chức vụ tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; quyết định *bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức* người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan thuộc Chính phủ;

## N.vụ- q.hạn của TTCP trong các nhân sự

- 5- *Phê chuẩn việc bầu, miễn nhiệm và quyết định điều động, đình chỉ công tác, cách chức* Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- 6- *Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đình chỉ công tác, cách chức* Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới khi không hoàn thành nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao hoặc vi phạm pháp luật\_\*



## **2. Trong công tác tổ chức BMNN Chính phủ (K4 Đ96 HP)**

- Trình QH quyết định:
  - + thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ;
  - + thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới HC cấp tỉnh, đơn vị HC-KT đặc biệt;
- Trình UBND QH quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, đ/chỉnh địa giới đơn vị HC dưới cấp tỉnh.  
**(trong đó, đ/với chính quyền địa phương, xem Đ.25 LTCCP 2015)**

### 3. Ban hành và xử lý văn bản quy phạm pháp luật: (K4 Điều 98 HP2013)

- Ban hành:

. **Chính phủ:** ban hành Nghị định; NQLT; ĐƯQT  
(xem K7 Đ98 HP)...

. **Thủ tướng CP:** ban hành Quyết định.

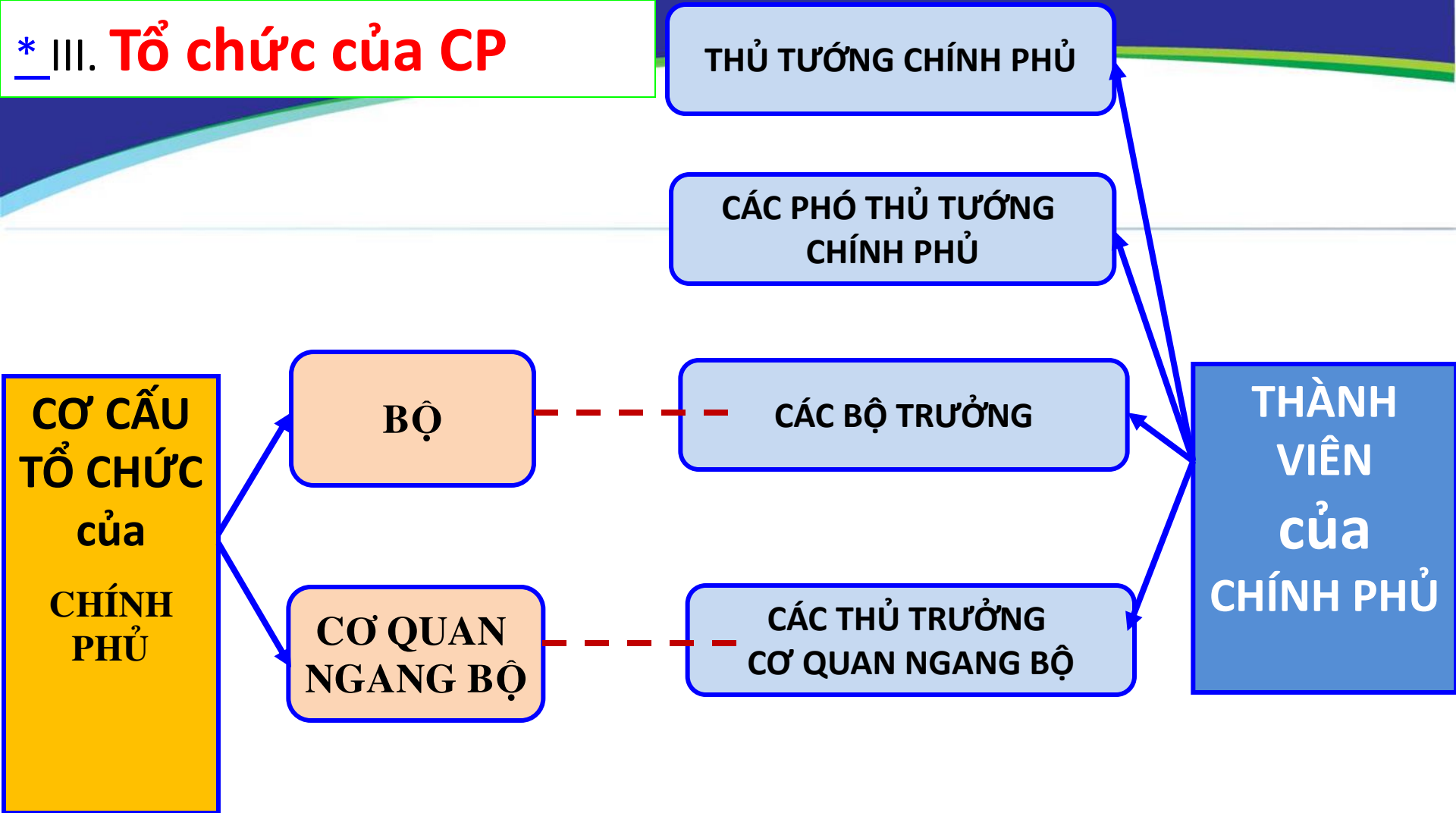
- Xử lý văn bản trái HP, luật:

**Thủ tướng CP**

. **Đình chỉ hoặc bãi bỏ** văn bản của Bộ trưởng,  
Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, UBND, CT.UBND cấp tỉnh;

. **Đình chỉ** NQ của HĐND cấp tỉnh, đồng thời **đề nghị** UBTVQH bãi bỏ\_\*

# \* III. Tổ chức của CP



*Vị trí của Cơ quan thuộc CP?*

## IV. Các hình thức hđ của CP

***“CP làm việc theo chế độ kết hợp trách nhiệm của tập thể với việc đề cao quyền hạn và trách nhiệm cá nhân của TT và mỗi thành viên của CP” – (Luật Tổ chức CP năm 2015)***

- Ht hđ của tập thể CP (thqua phiên họp của CP) → QĐ theo đa số.
- Thqua hđ của TT,
- Thqua các TV của CP.

- Nếu các TV của CP vắng mặt trong các phiên họp, cấp Phó có được dự thay không?

- Có khi nào CT. UBND tỉnh tham dự phiên họp của CP không?

- Các chủ thể khác: CTN, CT HĐDT của QH, CATANDTC, VTVKSNDTC, CT. TLĐLĐVN, người đứng đầu các đoàn thể khác ***có thể được mời họp khi bàn về vđ có lquan***; Khi cần thiết, mời TT các cq thuộc CP, CT.UBND CT.

→ Không được biểu quyết.

→ Cần ncao hq hđ của CP, của TTCP và các TV khác của CP.

# **CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**

Phân cấp QL → pchia đvHC → 31/12/2013, VN có 63 đvHC cấp tỉnh; 708 đvHC cấp huyện (gồm 64 tp thuộc tỉnh, 47 thị xã, 49 quận và 548 huyện)

## **A. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

- I. Vị trí – tính chất của HĐND**
- II. Nhiệm vụ- quyền hạn của HĐND**
- III. Tổ chức của HĐND**
- IV. Kỳ họp của HĐND.**

## **B. ỦY BAN NHÂN DÂN**

- I. Vị trí – tính chất của UBND**
- II. Cơ cấu- tổ chức của UBND**
- III. Nhiệm vụ- quyền hạn**
- IV. Các hình thức hoạt động @**

# I. Vị trí – tính chất của HĐND

(Đ113 HP2013, *Luật Tổ chức CQĐP năm 2015*)

HĐND là cơ quan:

+ quyền lực Nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra,

+ chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan Nhà nước cấp trên.

→ QH là cq qINN cao nhất ở TW, HĐND là cq qINN cao nhất ở địa phương, Đ/S?

## **Ba chức năng chủ yếu:**

- QĐ những vđ quan trọng ở đp;
  - Đảm bảo thực hiện các quy định và QĐ của các cqNN cấp trên, ở TW và ở đp.
  - Thực hiện Q giám sát:
    - + đ/v hđ TT HĐND, UBND, TAND, VKSND cùng cấp;
    - + đ/v việc thực hiện NQ của HĐND;
    - + đ/v việc tuân theo PL của các cqNN, tcKT, tcXH, đvị VTND và CD ở đp.
- PL đã cụ thể hóa thành các nv, qh của HĐND. [Bài 9.](#)



## II. Nhiệm vụ- quyền hạn của HĐND

- Hội đồng nhân dân ở chính quyền nông thôn (tại các đơn vị hành chính: tỉnh, huyện, xã) được quy định tại các Điều luật tương ứng là: **19, 26, 33**;
- Hội đồng nhân dân ở chính quyền đô thị (tại các đơn vị hành chính: thành phố trực thuộc trung ương; quận; thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; phường; thị trấn) được quy định tại các Điều luật tương ứng là: **40, 47, 54, 61, 68**.  
→ HV đọc ***Luật TC.CQĐP 2015***.

# Chú ý nhiệm vụ, quyền hạn trong 3 lĩnh vực

## 1). Trong công tác nhân sự

\* *Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trong cùng đvị HC*

- Trong HĐND: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng ban, Phó Trưởng ban của HĐND (riêng ở tỉnh và tp trực thuộc TW có thêm Chánh Văn phòng);

- Trong UBND: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND;

- Chức danh trong TAND đó là Hội thẩm TAND.

\* *Lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh trong cùng đvị HC*

- Trong HĐND do HĐND bầu (trừ Phó Trưởng ban của HĐND);

- Các chức danh trong UBND do HĐND bầu.

\* *Bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh trong cùng đơn vị hành chính do Hội đồng nhân dân bầu.*

\* *Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và chấp nhận việc đại biểu Hội đồng nhân dân xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu.*

# Chú ý nhiệm vụ, quyền hạn trong 3 lĩnh vực

## b). Trong công tác tổ chức bộ máy chính quyền

- Quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia thôn, tổ dân phố; đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố, đường, phố, quảng trường, công trình công cộng ở địa phương theo quy định của pháp luật (cấp tỉnh).
- Quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan chuyên môn thuộc UBND (cấp tỉnh, cấp huyện);
- Quyết định biên chế công chức trong cơ quan của HĐND, UBND, đơn vị sự nghiệp công lập của UBND các cấp trên địa bàn theo chỉ tiêu biên chế được CP giao; quyết định số lượng và mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của cấp mình theo quy định của CP (cấp tỉnh);
- Giải tán Hội đồng nhân dân cấp dưới ... và trình Hội đồng nhân dân cấp trên/ UBNDTVQH phê chuẩn; phê chuẩn nghị quyết của HĐND cấp huyện về việc giải tán HĐND cấp xã (cấp tỉnh).

## Chú ý nhiệm vụ, quyền hạn trong 3 lĩnh vực

### c). Trong công tác ban hành và xử lý văn bản quy phạm pháp luật

- Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn;
- Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp (3 cấp); bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp dưới (cấp tỉnh, cấp huyện).

## III. Tổ chức của HĐND

- *Hiến pháp 2013*
- *Luật TCCQĐP 2015* Bài 9:

# Cơ cấu của CQĐP ở nông thôn (Ch.2 LTCCQĐP)

<b>HĐND</b>	<b>Tỉnh</b>	<b>Huyện</b>	<b>Xã</b>
<b>Thường trực</b>	(Đ18)-1 Chủ tịch (có thể chuyên trách)	(Đ25)- 1 Chủ tịch (có thể chuyên trách)	(Đ32)- 1 Chủ tịch
	2 PCT chtrách	2 PCT chtrách	1 PCT chtrách
	UV là các TB + Chánh VP	UV là các TB	
<b>Các ban</b>	Pháp chế	Pháp chế	Pháp chế
	KT - NS	KT - XH	KT - XH
	VH-XH	(có thể có Ban Dân tộc)	
	(có thể có B.Dân tộc)		
<b>UBND</b>	(Đ20) - 1 CT	(Đ27) -1 CT	(Đ34) -1 CT
	<=4 (I); <=3 PCT (II, III)	<=3 (I); <=2 PCT (II, III)	<=2 PCT (loại I)
	UV – đứng đầu cqm (GD Sở và tương đương)	UV – đứng đầu cqm (Trưởng phòng và t.đương)	1 PCT (loại II, III)
	UV p.trách quân sự	UV p.trách quân sự	UV ptr quân sự
	UV p.trách công an	UV p.trách công an	UV ptr công an

# Cơ cấu của CQĐP ở đô thị (Ch.3 LTCCQĐP)

TP thuộc TW	Quận	Thị xã	Tp thuộc tỉnh, Tp thuộc Tp	Phường Thị trấn
(Đ39) -1 CT (có thể chtrách)	(Đ46)-1 CT (có thể ch.trách)	(Đ53)-1 CT ct (cthể ch.trách)	(Đ53)-1 CT (ct chuyên trách)	(Đ60, 67)- 1 CT
2 PCT (chuyên trách)	2 PCT (chuyên trách)	2 PCT (chuyên trách)	2 PCT (chuyên trách)	1 PCT chtrách
UV - Trưởng ban; - Chánh VP	UV là các Trưởng ban	UV là các Trưởng ban	UV là các Trưởng ban	
Pháp chế	Pháp chế	Pháp chế	Pháp chế	KT - NS
KT – NS	KT - XH	KT - XH	KT - XH	VH-XH
VH-XH		(ct B.Dtộc)	(ct B.Dân tộc)	
Ban đô thị				
(Đ41) - 1 CT	(Đ55) - 1 CT	(Đ55) - 1 CT	(Đ55) - 1 CT	(Đ62, 69)- 1 CT
<=4 PCT ; <=5 (HN, tp.HCM)	<=3 (loại I); <=2 PCT (II, III)	<=3 ; <=2 PCT	<=3; <=2 PCT	<=2; <=1 PCT
UV – đđ cqm; UV ptr quân sự; UV p.trách CA	UV – đđ cqm; UV ptr quân sự; UV p.trách CA	UV – đđ...; UV ptr QS; UV ptr CA	UV – đđ cqm; UV ptr QS; UV p.trách CA	UV...QS; UV...CA

H  
Đ  
N  
D  
(TT)

U  
B  
N  
D

## IV. Các hình thức hoạt động

### - Kỳ họp của các đbHĐND

#### Các hình thức làm việc tại kỳ họp Hội đồng nhân dân

- 1. Các phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân.
- 2. Các cuộc họp do Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức để thảo luận, xem xét về các nội dung thuộc chương trình kỳ họp.
- 3. Các cuộc họp do các Ban của Hội đồng nhân dân tổ chức để thảo luận, xem xét về các nội dung trong chương trình kỳ họp thuộc lĩnh vực các Ban phụ trách.
- 4. Các cuộc họp của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trong thời gian tổ chức kỳ họp.

▪



# I. Vị trí – tính chất của UBND

(Đ114 HP2013 – Xem Đ123 HP 92 và L.TCCQĐP 2015): UBND

- + do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu;
- + là cơ quan chấp hành của HĐND;
- + cơ quan hành chính NN ở địa phương,
- + chịu trách nhiệm trước HĐND và cqHCNN cấp trên;
- + tổ chức việc thi hành Hiến pháp và luật ở địa phương; tổ chức thực hiện NQ của HĐND và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan Nhà nước cấp trên giao.

→ *Nhiệm vụ?* (Đ123-125 HP92 + ch.IV Luật TCHĐND & UBND) \*

## II. Cơ cấu- tổ chức của UBND

(xem chung bảng **Cơ cấu của CQĐP**)

## III. Các hình thức hoạt động

**Thông qua:**

- Các phiên họp của UBND;
- Hđ của CT. UBND;
- Hđ của các TV khác thuộc UBND\*

# Bài 9: **TÒA ÁN NHÂN DÂN VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN**

## **TÒA ÁN NHÂN DÂN\***

- I. Chnăng – nhiệm vụ của TAND
- II. Các ngtắc tc và hđ của TAND
- III. Cơ cấu tổ chức của TAND

## **VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN\***

- I. Chnăng – nhiệm vụ của VKSND
- II. Các ngtắc tc và hđ của VKSND
- III. Cơ cấu tổ chức của VKSND\*\*\*

# I. Chnăng – nhiệm vụ của TAND

(Đ.63 HP1946 - Đ.97 HP1959 - Đ.128 HP1980 - Đ.126,127 HP92 - Đ.102 HP2013):

## - Chức năng:

“Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp” (Đ102 HP 2013)

## - Nhiệm vụ:

Bảo vệ công lý, bv quyền con người, quyền công dân, bv chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của NN, quyền và lợi ích hợp pháp của tc, cá nhân\*

## II. Các nguyên tắc và hđ của TAND

- 6 nguyên tắc chung về tổ chức & hoạt động của BMNN (xem Bài 5)
- 8 nguyên tắc riêng (Đ103 HP2013; Điều 5 Luật TCTAND 2014):

### III. Cơ cấu tổ chức của TAND

HP 1992

và *Luật TCTAND 2002*

HP 2013

và *Luật TCTAND 2014*

**Gồm:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp tỉnh;
- TAND cấp huyện;
- Các TA quân sự;
- Các TA khác do Luật định;
- TA đặc biệt (nếu có)

**Gồm:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao;
- TAND cấp tỉnh;
- TAND cấp huyện;
- Các TA quân sự.

## TAND TỐI CAO

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Bộ máy giúp việc

CS đào tạo, bồi dưỡng

## TAND CẤP CAO

Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao

Bộ máy giúp việc

Các tòa chuyên trách (HS, DS, HC, KT, LĐ, **Tòa GD và người chưa thành niên**, Tòa khác do UBNDVQH TL)

## TAND TỈNH, TP TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Ủy ban Thẩm phán

Bộ máy giúp việc

Các tòa chuyên trách (HS, DS, HC, KT, LĐ, **Tòa GD & NCTN**, Tòa khác do UBNDVQH TL)

## TAND huyện, quận, thị xã, TP thuộc tỉnh và tương đương

Bộ máy giúp việc

Có thể có các tòa chtrách (HS, DS, **Tòa GD và người CTN**, **Tòa xử lý HC**, Tòa khác do UBNDVQH TL)



## **B. VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN**

**(...HP1946 - Đ.105 HP1959 - Đ.138 HP1980 - Đ.126,137 HP92 -Đ.107 HP2013):**

### **I. Chức năng – nhiệm vụ (Đ107):**

**CN:** - thực hành **quyền công tố**, và

**- kiểm sát các hoạt động tư pháp.**

**NV:** bv pháp luật, bv quyền con người, quyền công dân, bv chế độ XHCN, bv lợi ích của NN, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm PL được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

### **II. Nguyên tắc tc và hđ (Đ109 HP; Đ7 Luật 2014)**

Tập trung thống nhất

- Viện trưởng các VKS đặt dưới sự giám sát của cơ quan quyền lực NN cùng cấp.

### III. Cơ cấu tổ chức của Viện Kiểm sát nhân dân

HP 1992

và *Luật TCVKSND 2002*

HP 2013

và *Luật TCVKSND 2014*

**Gồm:**

- VKSND tối cao;
- VKSND cấp tỉnh;
- VKSND cấp huyện;
- Các VKS quân sự.

**Gồm:**

- VKSND tối cao;
- **VKSND cấp cao;**
- VKSND cấp tỉnh;
- VKSND cấp huyện;
- Các VKS quân sự.



# VKSND TỐI CAO

Văn phòng

CQ điều tra

Các cục, vụ, viện và tương đương

Các CS đào tạo, bồi dưỡng, CQ báo chí và đơn vị SNCL khác

VKSQS TW

## VKSND CẤP CAO

Ủy ban Kiểm sát

Văn phòng

Các Viện và tương đương)

## VKSND TỈNH, TP TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Ủy ban Kiểm sát

Văn phòng

Các Phòng và tương đương

## VKSND huyện, quận, thị xã, TP thuộc tỉnh và tương đương

Văn phòng

Các phòng/ Bộ phận công tác và Bộ máy giúp việc

## Bài 12:

# HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA- KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

## A. HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

- I. Chức năng – nhiệm vụ
- II. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động
- III. Cơ cấu tổ chức

## B. KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

- I. Chức năng – nhiệm vụ
- II. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động
- III. Cơ cấu tổ chức\*\*

# I. Chức năng – nhiệm vụ

“Hội đồng bầu cử quốc gia là cơ quan do Quốc hội thành lập, có nhiệm vụ tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội; chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu HĐND các cấp” (*Đ117 HP 2013*)

→ **Xem thêm *Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân 2015 (Đ.12-20).***

## Nhiệm vụ

- **Nhiệm vụ, quyền hạn chung (Đ.14 LBC...);**
- **Nhiệm vụ, quyền hạn đối với bầu cử đại biểu Quốc hội (*Điều 15 LBC...*);**
- **Nhiệm vụ, quyền hạn đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (*Điều 16 LBC...*).**

## II. Nguyên tắc tc và hđ

1. Chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Các cuộc họp được tiến hành khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham dự; các quyết định được thông qua khi có quá nửa số thành viên biểu quyết tán thành.
2. Hoạt động độc lập và tuân theo pháp luật.
3. Trung thực, khách quan.

# III. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

## HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

- Chủ tịch (1),
- Các Phó Chủ tịch (4),
- Các ủy viên (16),  
(Từ 15 – **21** người)

Tiểu ban  
Nhân sự và  
thông tin,  
tuyên truyền

(Trưởng Tiểu  
ban là 1 Phó  
CTQH)

Tiểu ban  
Văn bản pháp  
luật và giải  
quyết khiếu  
nại, tố cáo

(Trưởng Tiểu  
ban là 1 Phó  
CTQH)

Tiểu ban  
An ninh, trật  
tự, an toàn xã  
hội

(Trưởng Tiểu  
ban là 1 Phó  
CTQH)

Văn phòng  
- Chánh văn phòng,  
- các Phó Chánh  
văn phòng

(Trưởng Tiểu ban là  
1 Phó CTQH)





# KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

STATE AUDIT OFFICE OF VIETNAM

- “1. Kiểm toán nhà nước là cơ quan do Quốc hội thành lập, *hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*, thực hiện kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công...” (Đ118 HP2013)

# 1. Chức năng – nhiệm vụ

## - Chức năng (Đ9 Luật KTNN 2015)

đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị đối với việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công.

## - Nhiệm vụ (Đ10 Luật KTNN 2015)

+ 18 nhiệm vụ cụ thể;

+ nhiệm vụ khác theo quy định của PL<sub>u</sub>\*

## 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

(Đ5 Luật KTNN 2015)

1. Hoạt động độc lập và tuân theo pháp luật.
2. Trung thực, khách quan, công khai, minh bạch\_\*

## 3. Cơ cấu tổ chức

(Đ5 Luật KTNN 2015)

1. Hoạt động độc lập và tuân theo pháp luật.
2. Trung thực, khách quan, công khai, minh bạch\_\*



# CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

- Tổng KTNN (UBTVQH đề nghị, QH bầu, 5n theo nhiệm kỳ của QH)
- Các Phó Tổng KTNN (TKTNN đề nghị, UBTVQH bổ nhiệm, 5 năm)
- Các Kiểm toán trưởng (TKTNN bn, đầu KTNN chngành/ KT khu vực)
- Các Phó Kiểm toán trưởng (TKTNN bổ nhiệm)
- Các Kiểm toán viên (3 ngạch: KTV, KTV chính, KTV cao cấp)

